

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **10/2022/HNGĐ -ST**

Ngày: 31/3/2022.

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR – TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tuấn.

-Các Hội thẩm nhân dân: Ông Y Nik ÊBan và bà Nguyễn Thị Tuyết.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Giản Thị Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 359/2021/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 12 năm 2021 *“Về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/02/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST- HNGĐ, ngày 14/3/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1991. (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố 5..., thị trấn E, huyện Ea, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Anh Trần Viết S, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Tổ dân phố 5..., thị trấn E, huyện Ea, tỉnh Đắk Lắk.

(Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 25/11/2021, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa, nguyên đơn Hoàng Thị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Tôi (T) và anh Trần Viết S đăng ký kết hôn vào ngày 17/01/2011 tại Ủy ban nhân dân thị trấn E, huyện Ea, tỉnh Đắk Lắk. Khi đăng ký kết hôn chúng tôi hoàn toàn tự nguyện và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi về chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh S có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác ở bên ngoài từ tháng 5 năm 2020, tôi và gia đình đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng không có kết quả. Do vậy tôi và anh S đã sống ly thân. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Trần Viết S.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Thị Bảo N, sinh ngày 19/10/2011, hiện cháu đang ở cùng với tôi. Ly hôn tôi có nguyện vọng được

nuôi cháu N cho đến khi trưởng thành và không yêu cầu anh Trần Viết S phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho tôi.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại bản tự khai ông Trần Viết S trình bày:* Qua phần trình bày của cô Hoàng Thị T về thời gian kết hôn của chúng tôi là đúng.

Sau khi kết hôn được thời gian thì vợ chồng xảy ra một số mâu thuẫn dẫn đến cãi vã, do vợ chồng không hiểu và nghi ngờ lẫn nhau, nên khi vợ chồng ngồi nói chuyện thì lại cãi nhau do hai vợ chồng không tin tưởng nhau, đã được gia đình hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nhưng không đạt kết quả. Mặc dù chúng tôi đang sống ly thân mỗi người một nơi, tuy nhiên thỉnh thoảng tôi vẫn về thăm nhà, tôi vẫn còn thương vợ, thương con nên đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng quay về đoàn tụ.

Sau khi các bên làm bản tự khai, Tòa án tiến hành các thủ tục theo quy định của pháp luật thì anh Trần Viết S không đến làm việc, chuyển chỗ ở mới, nhưng không cung cấp địa chỉ cho Tòa án, không đến làm việc theo yêu cầu của Tòa án thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ, nên không thể tiến hành hòa giải được.

Phản tranh luận:

- Chị Hoàng Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử cho chị được ly hôn với anh Trần Viết S và được quyền nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đều thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn anh Trần Viết S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các quyết định tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do là vi phạm các quy định tại Điều 70, 72, và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56, 58, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình xử: .

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận việc ly hôn của chị Hoàng Thị T.

+ Về con chung: Giao cháu Trần Thị Bảo N, sinh ngày 19/10/2011 cho chị Hoàng Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị Hoàng Thị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] *Xét về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án:* Căn cứ đơn khởi kiện của chị Hoàng Thị T lập ngày 25/11/2021, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: “*Kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*”. Tại thời điểm thụ lý đơn khởi kiện, bị đơn anh Trần Viết S đăng ký hộ khẩu và cư trú tại Tổ dân phố 5..., thị trấn E, huyện Ea, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Viết S vắng mặt lần thứ 2 không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Trần Viết S theo quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị T:

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T và anh Trần Viết S lấy nhau trên cơ sở tình yêu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ea Knốp, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 17/01/2011, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận bảo vệ. Theo lời trình bày của chị T nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã và cũng do anh S có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác từ tháng 5 năm 2020, chị T và gia đình đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng tình trạng hôn nhân của vợ chồng không được cải thiện. Do vậy chị T và anh S đã ly thân từ đó đến nay.

Mặc dù anh S cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn, ghen tuông nhau, các bên sống ly thân nhau đã lâu, nhưng anh S vẫn còn tình cảm và yêu thương chị T và mong muốn vợ chồng đoàn tụ, nhưng anh S không có giải pháp để cải thiện hàn gắn tình cảm vợ chồng, dẫn đến chị T mất lòng tin với anh S.

Qua xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị Hoàng Thị T và anh Trần Viết S tại nơi cư trú thì được cung cấp như sau: “Vợ chồng anh Trần Viết S và chị Hoàng Thị T có mâu thuẫn nội bộ trong gia đình như thế nào thì chính quyền địa phương không biết, không thấy anh S, chị T yêu cầu ban tự quản đứng ra hòa giải. Tuy nhiên, ban tự quản chỉ biết anh S và chị T đã ly thân với nhau khoảng đầu năm 2021 cho đến nay”.

Căn cứ vào lời trình bày của của các đương sự, qua kết quả xác minh tại chính quyền địa phương đã có đủ căn cứ xác định: Trong quá trình chung sống, giữa chị T và anh S có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình các bên không hòa hợp, anh S có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác từ tháng 5 năm 2020, do không thể giải quyết được, nên anh S và chị T sống ly thân nhau, các bên không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, điều đó chứng minh tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh S sống không hạnh phúc.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Hoàng Thị T và anh Trần Viết S đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[2.2] Xét yêu cầu nuôi con chung: Chị T và anh S có một con chung, cháu Trần Thị Bảo N, sinh ngày 19/10/2011. Trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, chị T có nguyện vọng được nuôi con chung. Xét thấy việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng, chăm sóc phải xem xét mọi mặt, đảm bảo được quyền và lợi ích của con chung phát triển lành mạnh cả về thể chất lẫn tinh thần, cháu Trần Thị Bảo N đang còn nhỏ, là con gái, hiện đang do chị Hoàng Thị T nuôi dưỡng, nên cần tiếp tục giao cháu Trần Thị Bảo N cho chị Hoàng Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu, cũng như quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình.

Anh Trần Viết S được quyền đi lại thăm và chăm sóc cháu N không ai được quyền ngăn cản.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại đơn yêu cầu khởi kiện và tại phiên tòa chị Hoàng Thị T không yêu cầu anh Trần Viết S cấp dưỡng tiền nuôi con chung, xét yêu cầu này là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hoàng Thị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Thúy đã nộp tại Chi cục thi hành án huyện Ea Kar.

[5] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ quan điểm của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 203, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị T được ly hôn với anh Trần Viết S.

[2] Về con chung: Giao cháu Trần Thị Bảo N cho chị Hoàng Thị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Trần Thị Bảo N sinh ngày 19/10/2011 đến tuổi trưởng thành (Trên 18 tuổi).

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Hoàng Thị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Để đảm bảo quyền và lợi ích của con chung, khi cần thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng thì các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết. Không ai được ngăn cản quyền đi lại, thăm và chăm sóc giáo dục con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hoàng Thị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea Kar theo biên lai số 60AA/2021/0005664 ngày 01 tháng 12 năm 2021.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án ly hôn sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án (hoặc) kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ea Kar;
- THADS huyện Ea Kar;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- UBND thị trấn Ea Knốp;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Mạnh Tuấn